



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔ KIỂM TOÁN NỘI BỘ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2021
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/04/2021
Ông Lê Kim Hùng	Thành viên	

Danh sách các thành viên Tổ kiểm toán nội bộ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổ trưởng	Bổ nhiệm ngày 02/06/2021
Bà Nguyễn Thị Phương Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/06/2021
Bà Nguyễn Thị Thùy Nhi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/06/2021
Ông Nguyễn Văn Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/06/2021

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên
Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Phan Thanh Sơn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/04/2021
Ông Nguyễn Sơn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/04/2021
Ông Võ Đình Thanh Tuấn	Phó Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Phan Thanh Sơn, Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phan Thanh Sơn

Giám đốc

Đắk Nông, ngày 05 tháng 08 năm 2021

Số 300/2021/BCSX-E.AFA

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày tháng năm 2021, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Tại các Báo cáo soát xét và kiểm toán này, Kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phạm Quang Trung

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1334-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.919.916.701	107.281.807.306
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.037.369.096	67.859.440.355
1. Tiền	111		337.369.096	59.440.355
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.700.000.000	67.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		74.000.000.000	23.100.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	74.000.000.000	23.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.679.325.926	15.082.463.173
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	7.370.604.897	14.097.793.520
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	403.992.765	83.280.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.372.586.665	1.369.248.054
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(467.858.401)	(467.858.401)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	1.106.118.780	1.087.618.780
1. Hàng tồn kho	141		1.106.118.780	1.087.618.780
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.102.899	152.284.998
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	97.102.899	152.284.998
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.758.995.496	40.082.679.075
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.464.604.382	38.023.994.153
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	38.433.110.274	38.023.994.153
Nguyên giá	222		153.948.429.993	152.499.955.448
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.515.319.719)	(114.475.961.295)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	31.494.108	-
Nguyên giá	228		152.818.182	121.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(121.324.074)	(121.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.294.391.114	2.058.684.922
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	1.294.391.114	2.058.684.922
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		129.678.912.197	147.364.486.381

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.155.884.635	11.278.662.469
I. Nợ ngắn hạn	310		7.155.884.635	11.278.662.469
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	559.155.370	620.118.205
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	2.767.800.444	3.986.866.432
3. Phải trả người lao động	314		2.516.320.941	3.893.595.598
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	136.083.528	375.447.132
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		51.662.771	51.662.100
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.124.861.581	2.350.973.002
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.523.027.562	136.085.823.912
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	122.523.027.562	136.085.823.912
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.462.308.448	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.689.983.751	3.689.983.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.370.735.363	35.933.531.713
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		23.531.713	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.347.203.650	35.933.531.713
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129.678.912.197	147.364.486.381



Phan Thanh Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	42.489.425.347	37.412.440.614
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.489.425.347	37.412.440.614
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	12.233.838.462	11.040.385.921
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.255.586.885	26.372.054.693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.471.836.691	1.635.971.733
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	2.530.251.733	2.223.709.585
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.197.171.843	25.784.316.841
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	5.5	-	3.323.538
14. Lợi nhuận khác	40		-	(3.323.538)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.197.171.843	25.780.993.303
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	3.081.600.854	2.768.635.532
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.115.570.989	23.012.357.771
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.5	2.572	2.275
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.6	2.572	2.275



Phan Thanh Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		48.605.051.368	33.455.104.723
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.738.834.586)	(3.152.241.905)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.990.932.130)	(5.293.323.918)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.135.965.598)	(2.689.863.631)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.994.244.094	3.388.898.448
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.296.795.248)	(9.241.800.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.436.767.900	16.466.773.357
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.678.376.401)	(93.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.000.000.000)	(6.100.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		24.100.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.319.537.242	1.676.649.816
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.258.839.159)	(4.516.350.184)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38.000.000.000)	(33.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.000.000.000)	(33.250.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(61.822.071.259)	(21.299.576.827)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		67.859.440.355	65.120.422.598
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		6.037.369.096	43.820.845.771



Phan Thanh Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy Điện – Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 ngày 20 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 23 tháng 04 năm 2021 với mã số doanh nghiệp 0400456277 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ – SGDHCM ngày 30 tháng 03 năm 2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11 tháng 04 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 95.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Việt Nam	28.900.000.000	30,42	28.900.000.000	30,42
Các cổ đông khác		66.100.000.000	69,58	66.100.000.000	69,58
Cộng		95.000.000.000	100,00	95.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 34 người (31 tháng 12 năm 2020: 34 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống điện: Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện; Đầu tư xây dựng các dự án điện; Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có đủ điều kiện đã cấp ở trên).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2021

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là tiền dịch vụ môi trường rừng. Cơ sở ước tính dựa vào sản lượng điện đã phát (kWh) và đơn giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (36đ/kWh).

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành:

- Đối với dự án thủy điện: Áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nhà máy điện ĐrâyH'Linh 2 đi vào hoạt động từ tháng 2 năm 2007, do đó Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2007 đến năm 2021.

Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được miễn thuế trong 4 năm (2007 – 2010) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2011 – 2019).

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

- Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm.

Thuế nhập khẩu

Theo chứng nhận đầu tư số 63121000107 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông cấp ngày 27/06/2012, Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất điện năng và một khu vực địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	4.219.688	5.505.668
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	333.149.408	53.934.687
Các khoản tương đương tiền	5.700.000.000	67.800.000.000
Cộng	6.037.369.096	67.859.440.355

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	74.000.000.000	74.000.000.000	23.100.000.000	23.100.000.000
Cộng	74.000.000.000	74.000.000.000	23.100.000.000	23.100.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	7.370.604.897	14.097.793.520
Cộng	7.370.604.897	14.097.793.520
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	7.370.604.897	14.097.793.520

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Hải Vân Nam	403.992.765	-
Trường Cao đẳng công nghệ kinh tế và thủy lợi Miền Trung	-	83.280.000
Cộng	403.992.765	83.280.000

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	654.456.438	-	502.156.989	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	250.271.826	-	399.232.664	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Trung	467.858.401	467.858.401	467.858.401	467.858.401
Cộng	1.372.586.665	467.858.401	1.369.248.054	467.858.401

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	467.858.401	-	467.858.401	-
Cộng	467.858.401	-	467.858.401	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Trung	467.858.401	-	Trên 3 năm	467.858.401	-	Trên 3 năm
Cộng	467.858.401	-		467.858.401	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.106.118.780	-	1.087.618.780	-
Cộng	1.106.118.780	-	1.087.618.780	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	50.819.609.215	86.617.815.290	14.070.674.817	991.856.126	152.499.955.448
Mua trong kỳ	-	-	1.099.610.909	348.863.636	1.448.474.545
Tại ngày 30/06/2021	50.819.609.215	86.617.815.290	15.170.285.726	1.340.719.762	153.948.429.993
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	19.622.090.318	86.540.475.635	7.525.957.684	787.437.658	114.475.961.295
Khấu hao trong kỳ	629.638.320	9.300.000	347.832.013	52.588.091	1.039.358.424
Tại ngày 30/06/2021	20.251.728.638	86.549.775.635	7.873.789.697	840.025.749	115.515.319.719
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	31.197.518.897	77.339.655	6.544.717.133	204.418.468	38.023.994.153
Tại ngày 30/06/2021	30.567.880.577	68.039.655	7.296.496.029	500.694.013	38.433.110.274

Không có TSCĐ hữu hình thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm cuối kỳ.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối kỳ là 91.079.037.163 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm kế toán VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	121.000.000	-	121.000.000
Mua trong kỳ	-	31.818.182	31.818.182
Tại ngày 30/06/2021	121.000.000	31.818.182	152.818.182
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	121.000.000	-	121.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	324.074	324.074
Tại ngày 30/06/2021	121.000.000	324.074	121.324.074
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	-	31.494.108	31.494.108

Không có TSCĐ vô hình thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm cuối kỳ.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối kỳ là 121.000.000 VND.

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	30.678.469	59.420.454
Chi phí sửa chữa tài sản	33.250.000	73.150.000
Chi phí bảo hiểm	33.174.430	19.714.544
Cộng	97.102.899	152.284.998
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	317.624.989	384.666.321
Trục Roto H1	192.942.893	771.771.571
Chi phí đại tu thiết bị chính và trục tuabin	142.092.145	568.368.577
Chi phí trả trước khác	641.731.087	333.878.453
Cộng	1.294.391.114	2.058.684.922

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sông Ba	232.757.239	232.757.239	125.144.787	125.144.787
Trường Cao đẳng công nghệ kinh tế và thủy lợi Miền Trung	124.920.000	124.920.000	-	-
Nguyễn Đình Thắng	-	-	158.000.000	158.000.000
CN Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Lữ hành SAIGONTOURIST tại Buôn Mê Thuột	-	-	76.200.754	76.200.754
Các nhà cung cấp khác	201.478.131	201.478.131	260.772.664	260.772.664
Cộng	559.155.370	559.155.370	620.118.205	620.118.205

4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2021	Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	586.117.099	4.248.942.535	4.750.620.146	1.087.794.710
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.811.600.854	3.081.600.854	3.135.965.598	1.865.965.598
Thuế thu nhập cá nhân	17.694.216	1.743.881.930	1.787.073.511	60.885.797
Thuế tài nguyên	352.388.275	2.438.504.059	3.058.336.111	972.220.327
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	47.596.032	47.596.032	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí và lệ phí	-	430.093.500	430.093.500	-
Cộng	2.767.800.444	11.993.618.910	13.212.684.898	3.986.866.432

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
Tiền dịch vụ môi trường rừng	136.083.528	375.447.132
Cộng	136.083.528	375.447.132

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2020	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	8.787.747.938	108.940.040.137
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	23.012.357.771	23.012.357.771
Trích quỹ KTPL còn lại năm 2019	-	-	-	(47.747.938)	(47.747.938)
Tạm trích quỹ KTPL năm 2020	-	-	-	(1.395.494.311)	(1.395.494.311)
Chia cổ tức	-	-	-	(14.250.000.000)	(14.250.000.000)
Tại ngày 30/06/2020	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	16.106.863.460	116.259.155.659
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	35.991.321.097	35.991.321.097
Tạm trích quỹ KTPL năm 2020	-	-	-	(1.914.652.844)	(1.914.652.844)
Chia cổ tức	-	-	-	(14.250.000.000)	(14.250.000.000)
Tại ngày 01/01/2021	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	35.933.531.713	136.085.823.912
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	26.115.570.989	26.115.570.989
Tạm trích quỹ KTPL năm 2021 (*)	-	-	-	(1.678.367.339)	(1.678.367.339)
Chia cổ tức năm 2020 (**)	-	-	-	(35.910.000.000)	(35.910.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2021 (**)	-	-	-	(2.090.000.000)	(2.090.000.000)
Tại ngày 30/06/2021	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	22.370.735.363	122.523.027.562

(*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 12 – NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 19/04/2021.

(**) Công ty chia cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 12 – NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 19/04/2021 và tạm ứng cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15 – NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 19/04/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	28.900.000.000	28.900.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	66.100.000.000	66.100.000.000
Cộng	95.000.000.000	95.000.000.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	95.000.000.000	95.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30/06	95.000.000.000	95.000.000.000

4.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.14.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	26.115.570.989	23.012.357.771
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.678.367.339	1.395.494.311
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.437.203.650	21.616.863.460
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.572	2.275

4.14.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	26.115.570.989	23.012.357.771
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.678.367.339	1.395.494.311
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.437.203.650	21.616.863.460
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.500.000	9.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.572	2.275

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 12 – NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 19/04/2021.

4.14.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 12 – NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 19/04/2021, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định chia cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 58,6% trên vốn điều lệ. Trong đó, cổ tức đã tạm ứng trong năm 2020 là 20,8% (tương ứng 19.760.000.000 VND). Tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 20% (tương ứng 19.000.000.000 VND), ngày chốt danh sách cổ đông là 06/01/2021 và ngày thanh toán là 21/01/2021.

Ngày 19/04/2021, Hội đồng quản trị đã quyết định chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 17,8% (tương ứng 16.910.000.000 VND) và tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 2,2% (tương ứng 2.090.000.000 VND). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 14/05/2021 và thực hiện chi trả từ ngày 24/05/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.14.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2021	3.689.983.751
Trích trong kỳ	-
Chi trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2021	3.689.983.751

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	42.489.425.347	37.412.440.614
Cộng	42.489.425.347	37.412.440.614
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan - Xem thêm mục 6	42.489.425.347	37.412.440.614

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	12.233.838.462	11.040.385.921
Cộng	12.233.838.462	11.040.385.921

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	1.471.836.691	1.635.971.733
Cộng	1.471.836.691	1.635.971.733

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.364.361.665	1.259.467.981
Chi phí vật liệu quản lý	136.530.913	132.952.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.400.687	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.512.704	335.478.903
Chi phí bằng tiền khác	705.445.764	495.810.047
Cộng	2.530.251.733	2.223.709.585

5.5. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khác	-	3.323.538
Cộng	-	3.323.538

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.349.652.070	382.305.836
Chi phí nhân công	7.042.210.325	5.923.703.937
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.039.682.498	1.052.528.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.155.538.479	2.528.650.713
Chi phí khác bằng tiền	3.177.006.823	3.376.906.579
Cộng	14.764.090.195	13.264.095.506

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.197.171.843	25.780.993.303
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	147.000.000	169.823.538
- Chi phí không hợp lệ	21.000.000	13.823.538
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	126.000.000	156.000.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	29.344.171.843	25.950.816.841
- Thu nhập từ hoạt động được hưởng ưu đãi	27.872.335.152	24.314.845.108
- Thu nhập từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	1.471.836.691	1.635.971.733
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Thuế suất hoạt động được hưởng ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất hoạt động không được hưởng ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.081.600.854	2.758.678.857
- Thuế TNDN từ hoạt động được hưởng ưu đãi	2.787.233.515	2.431.484.511
- Thuế TNDN từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	294.367.338	327.194.347
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	3.081.600.854	2.768.635.532

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.081.600.854	2.758.678.857
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	9.956.675

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Điện lực Miền Trung | Công ty đầu tư |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	7.370.604.897	14.097.793.520
Cộng - Xem thêm mục 4.3	7.370.604.897	14.097.793.520

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	42.489.425.347	37.412.440.614
Cộng - Xem thêm mục 5.1	42.489.425.347	37.412.440.614

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	11.560.000.000	10.115.000.000
Cộng	11.560.000.000	10.115.000.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập Hội đồng quản trị	660.628.104	380.700.125
Thu nhập Ban Giám đốc	947.647.794	535.486.356

7. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	60.000.000	60.000.000

8. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



[Handwritten signature of Phan Thanh Sơn]

[Handwritten signature of Phạm Đức Hùng]

[Handwritten signature of Nguyễn Thị Bích Ngọc]

Phan Thanh Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởngNguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập

